

Bản tin Phân tích kỹ thuật

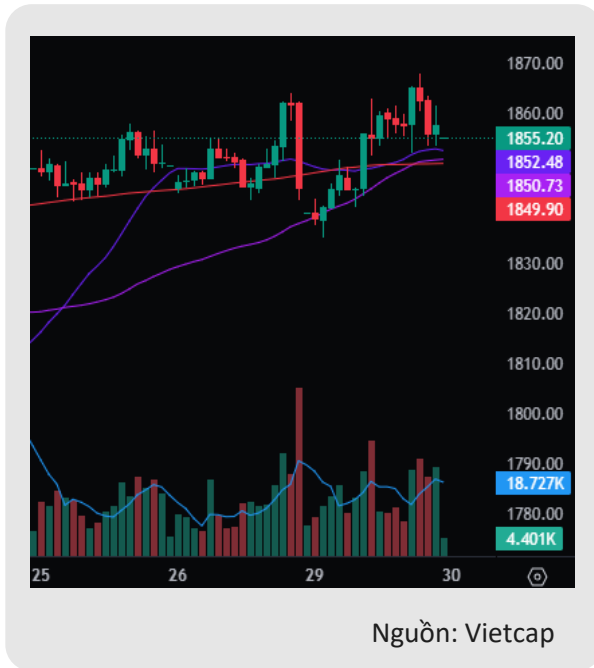
29/09/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111FA000 giữ tín hiệu tăng giá về cuối ngày nhờ đóng cửa trên các đường MA20, MA10 và MA50. (M15)
- Vùng hỗ 1.840 điểm sẽ thu hút hoạt động mua để giúp hợp đồng này giữ tín hiệu tăng giá. Vị thế mua được mở với mục tiêu là vùng 1.867 điểm, dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 1.844 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Mua (L): 1.850 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.867 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.844 điểm

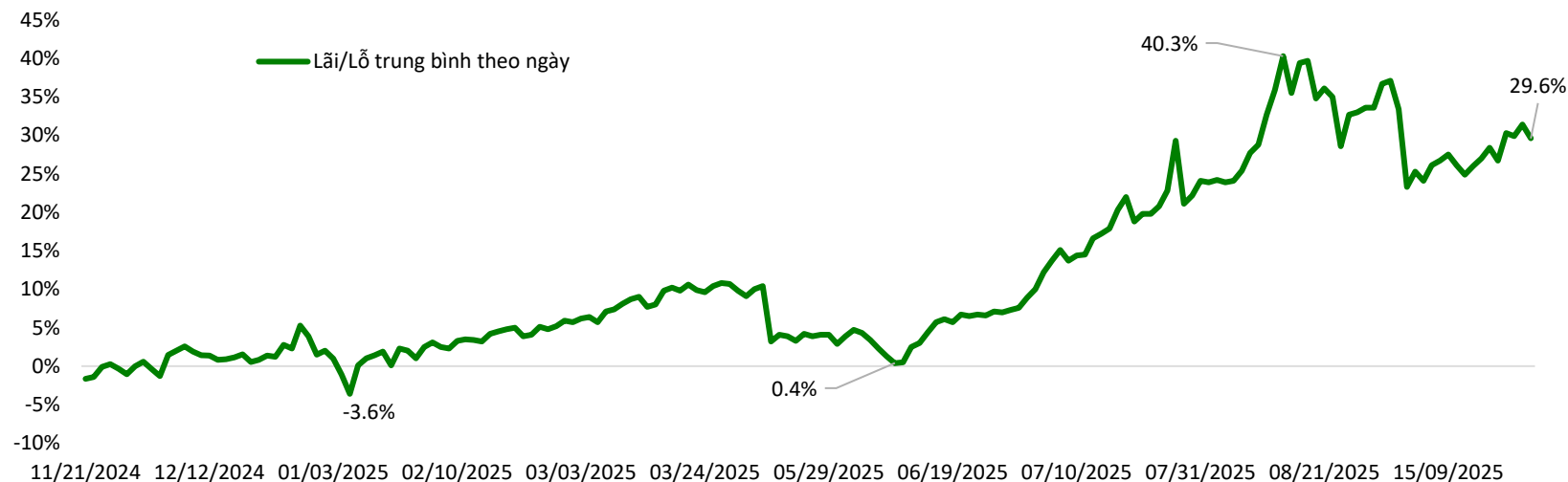
Quan điểm kỹ thuật



- VN-Index tiếp tục bị cản trở khi vận động về vùng giá cao 1.675 điểm. Áp lực bán xuất hiện ở nhiều mã nhưng thanh khoản sàn HOSE giảm vs phiên 26/09 cho thấy hoạt động bán được tiết chế ở mức thấp. Trong ngắn hạn, chỉ số VN-Index và VN30 giữ tín hiệu Trung tính, chỉ số VNMidcap, VNSmallcap và HNX-Index tạm giảm về mức Tiêu cực bởi không duy trì được đà phục hồi ổn định.
- Phiên 29/09 khiến nhiều cổ phiếu nhóm Bất động sản mất cấu trúc hồi phục ngắn hạn. Ngoài ra, đà tăng được thiết lập trước đó ở nhóm ngành Ngân hàng, Chứng khoán cũng bị chững lại. Điều này khiến số cổ phiếu vi phạm đường MA20 ngày trên sàn HOSE tăng lên mức 67% và 83% trong rổ VN30. Về hoạt động giao dịch, nhóm Bán lẻ có hoạt động bán tăng trên nhiều mã, các nhóm ngành còn lại đều chịu lực cung ở mức thấp.
- Chúng tôi duy trì kịch bản kiểm định vùng 1.680-1.700 điểm cho chỉ số VN-Index trong thời gian tới bởi chưa nhận thấy áp lực bán bất thường trên các nhóm ngành tỷ trọng vốn hóa cao. Bên cạnh đó, hoạt động của lực cầu cũng chỉ ở mức thấp nên chỉ số sẽ tăng điểm trong sự thăm dò với hỗ trợ trong ngày tại 1.655-1.660 điểm.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
CEO	09/07/2025		Đang mở	26,200	17,930	46.1%	23,000	31,000	23,000	31,000
HDG	08/08/2025		Đang mở	32,950	27,500	19.8%	25,800	33,000	29,000	37,000
HPG	25/09/2025		Đang mở	28,600	29,050	-1.5%	27,600			



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	172,800	5.37%	16.13%	665,801	6.992	3,487	4.6	49.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	101,900	2.93%	2.41%	418,545	2.400	6,984	2.0	14.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	31,100	2.30%	5.42%	246,745	1.112	2,193	1.7	14.2	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HVN	35,000	-4.11%	-6.67%	109,004	-0.877	3,610	-29.0	9.7	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FPT	95,500	-2.05%	-4.21%	162,685	-0.653	5,092	4.9	18.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	62,600	-0.63%	0.97%	523,065	-0.650	4,148	2.5	15.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEE	118,700	6.94%	6.94%	43,444	0.590	5,389	6.4	22.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDB	30,900	2.49%	6.55%	107,997	0.526	4,094	1.7	7.6	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
GEX	55,400	4.53%	1.09%	49,993	0.443	1,736	3.4	31.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BSR	26,900	-2.18%	0.37%	83,403	-0.356	-16	1.5	-1,672.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHB	16,800	-2.33%	-3.45%	77,174	-0.351	2,388	1.2	7.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BID	40,300	-0.62%	-1.71%	282,961	-0.341	3,683	1.8	10.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VNM	60,300	-1.31%	-1.79%	126,024	-0.323	4,101	4.0	14.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VJC	129,700	-2.11%	-4.28%	76,732	-0.317	3,427	3.2	37.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTG	51,000	0.59%	3.45%	273,870	0.317	5,608	1.7	9.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	88,000	2.56%	-1.68%	26,400	0.593	785	5.4	112.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHS	25,300	2.43%	4.55%	22,630	0.481	1,148	2.0	22.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
IDC	39,300	-2.72%	-2.96%	14,914	-0.355	3,977	2.6	9.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	26,200	-2.24%	3.56%	14,866	-0.291	354	2.4	73.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	18,100	-1.63%	-1.63%	19,336	-0.276	176	2.3	102.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BAB	13,900	-2.11%	-4.14%	13,945	-0.258	1,158	1.1	12.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVB	14,500	-1.36%	-2.68%	17,032	-0.203	-5,056	2.6	-2.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DNP	20,500	7.33%	6.22%	2,890	0.185	451	1.4	45.5	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
DTK	12,500	-2.34%	4.17%	8,535	-0.175	1,131	1.0	11.1	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	32,800	0.92%	5.04%	21,606	0.175	1,503	2.9	21.8	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực

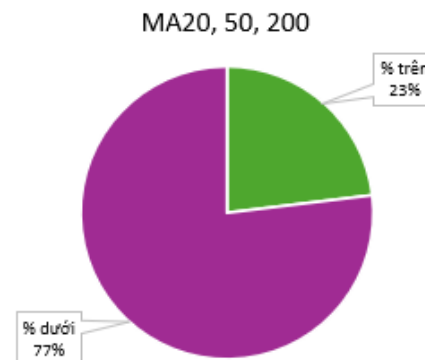
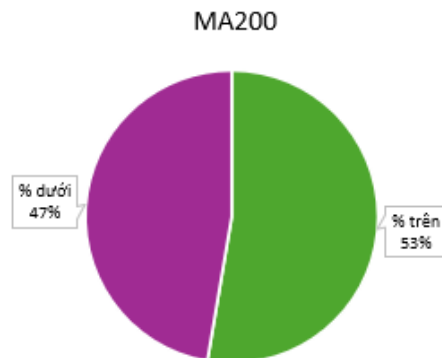
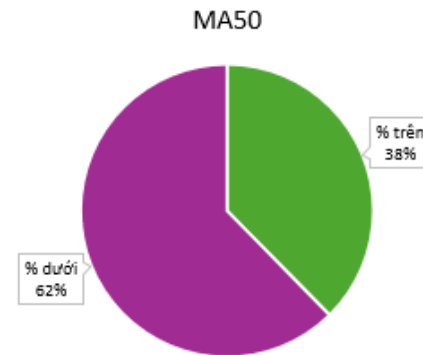
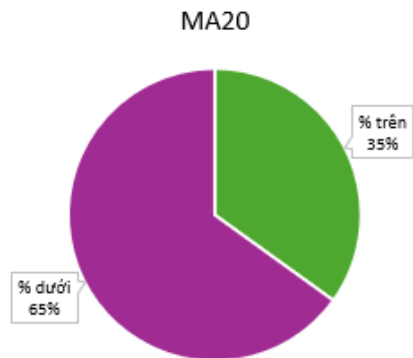
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SSH	78,200	-14.44%	-26.16%	29,940	-0.616	633	5.3	126.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
VGI	69,300	-0.72%	-1.00%	211,359	-0.216	1,913	5.7	36.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	57,500	-0.69%	-0.17%	206,227	-0.203	2,751	3.2	20.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CC1	30,500	-8.68%	-4.69%	12,205	-0.151	577	2.9	53.2	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCR	38,200	-12.98%	-6.83%	8,054	-0.149	-103	5.1	-372.9	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	53,000	-1.49%	0.00%	63,971	-0.135	1,312	4.9	40.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SEA	48,000	10.47%	2.76%	6,000	0.089	1,435	2.5	33.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
KLB	15,700	-4.85%	-12.17%	9,228	-0.064	2,047	1.3	7.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LSG	31,200	13.45%	24.80%	2,774	0.053	-304	2.8	-101.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	23,900	-1.24%	12.21%	26,584	-0.047	-707	2.2	-34.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	172,800	5.4%	416.5	436.9	39,900	164,000	4.6	49.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TAL	48,000	0.3%	70.7	33.5	15,699	47,850	5.0	20.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHV	16,750	0.9%	373.7	250.5	9,524	16,600	1.4	15.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LSG	31,200	13.5%	27.9	5.1	8,400	27,500	2.8	-101.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CDC	33,300	2.5%	28.6	22.1	12,648	32,500	2.6	34.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TNI	5,660	4.0%	5.6	2.9	1,780	5,440	0.6	-14.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GEE	118,700	6.9%	217.8	65.6	22,606	129,795	6.4	22.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
LSG	31,200	13.5%	27.9	5.1	8,400	27,500	2.8	-101.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GIL	17,150	-6.8%	21.8	18.5	13,300	22,700	0.7	-34.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			29/09/2025	26/09/2025	25/09/2025	24/09/2025	23/09/2025	22/09/2025	19/09/2025	18/09/2025	17/09/2025	16/09/2025	15/09/2025	12/09/2025	11/09/2025	10/09/2025
VNINDEX	MA200	Trên	65%	66%	67%	67%	65%	66%	68%	68%	69%	70%	69%	67%	65%	65%
		Dưới	35%	34%	33%	33%	35%	34%	32%	32%	31%	30%	31%	33%	35%	35%
	MA50	Trên	46%	50%	51%	50%	47%	48%	54%	55%	59%	61%	64%	56%	52%	50%
		Dưới	54%	50%	49%	50%	53%	52%	46%	45%	41%	39%	36%	44%	48%	50%
	MA20	Trên	33%	38%	43%	38%	35%	35%	45%	45%	49%	52%	55%	40%	34%	29%
		Dưới	67%	62%	57%	62%	65%	65%	55%	55%	51%	48%	45%	60%	66%	71%
VN30	MA200	Trên	77%	80%	80%	77%	77%	80%	83%	83%	83%	83%	87%	80%	80%	80%
		Dưới	23%	20%	20%	23%	23%	20%	17%	17%	17%	17%	13%	20%	20%	20%
	MA50	Trên	57%	60%	63%	67%	60%	57%	67%	77%	80%	80%	77%	73%	73%	70%
		Dưới	43%	40%	37%	33%	40%	43%	33%	23%	20%	20%	23%	27%	27%	30%
	MA20	Trên	17%	13%	17%	20%	20%	10%	30%	47%	53%	63%	60%	47%	43%	33%
		Dưới	83%	87%	83%	80%	80%	90%	70%	53%	47%	37%	40%	53%	57%	67%
HNX	MA200	Trên	57%	57%	59%	59%	59%	59%	60%	61%	62%	62%	62%	59%	59%	58%
		Dưới	43%	43%	41%	41%	41%	41%	40%	39%	38%	38%	38%	41%	41%	42%
	MA50	Trên	40%	42%	47%	43%	42%	44%	49%	51%	51%	52%	56%	53%	50%	49%
		Dưới	60%	58%	53%	57%	58%	56%	51%	49%	49%	48%	44%	47%	50%	51%
	MA20	Trên	57%	57%	59%	59%	59%	59%	60%	61%	62%	62%	62%	59%	59%	58%
		Dưới	43%	43%	41%	41%	41%	41%	40%	39%	38%	38%	38%	41%	41%	42%
UPCOM	MA200	Trên	35%	36%	34%	32%	31%	32%	36%	34%	35%	36%	38%	35%	30%	30%
		Dưới	65%	64%	66%	68%	69%	68%	64%	66%	65%	64%	62%	65%	70%	70%
	MA50	Trên	34%	34%	33%	34%	32%	34%	36%	36%	37%	38%	39%	39%	36%	38%
		Dưới	66%	66%	67%	66%	68%	66%	64%	64%	63%	62%	61%	61%	64%	62%
	MA20	Trên	45%	46%	46%	46%	45%	46%	47%	46%	46%	47%	48%	46%	46%	47%
		Dưới	55%	54%	54%	54%	55%	54%	53%	54%	54%	53%	52%	54%	54%	53%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 9																		Tháng 8	
		29	26	25	24	23	22	19	18	17	16	15	12	11	10	09	08	05	04	03	29
1	Xây dựng và Vật liệu	70	75	74	67	61	60	55	55	56	65	62	57	55	55	57	63	68	69	65	63
2	Bất động sản	69	72	70	67	65	63	63	64	67	72	71	73	72	73	75	78	84	85	84	81
3	Tài nguyên Cơ bản	68	71	73	72	69	69	69	70	72	73	71	66	65	66	67	66	72	70	60	56
4	Y tế	66	67	70	67	62	60	60	61	62	64	62	56	54	49	50	51	49	47	43	36
5	Ngân hàng	57	63	64	61	54	54	67	70	72	74	73	76	77	76	77	78	87	89	88	87
6	Điện, nước & xăng dầu...	52	55	56	54	57	56	57	55	56	57	50	52	48	49	50	53	56	53	52	58
7	Bảo hiểm	52	50	44	43	44	47	50	53	56	58	59	67	65	64	70	75	80	81	81	78
8	Thực phẩm và đồ uống...	52	59	60	59	56	58	60	62	65	67	63	61	59	58	59	61	68	68	67	64
9	Dịch vụ tài chính	48	60	61	57	51	54	60	62	64	65	67	68	69	70	70	72	82	84	84	79
10	Dầu khí	48	51	49	46	43	42	46	53	56	52	51	55	51	50	48	57	65	63	58	57
11	Bán lẻ	43	51	55	51	47	54	50	55	59	58	54	47	45	45	45	48	52	53	52	56
12	Hàng & Dịch vụ Công...	43	52	51	48	47	48	49	49	50	53	53	50	50	50	52	55	58	58	55	54
13	Hóa chất	43	48	49	44	43	42	43	46	48	52	48	42	38	38	39	43	48	47	47	46
14	Du lịch và Giải trí	43	44	44	44	46	46	51	45	48	47	49	45	45	48	45	43	46	46	49	47
15	Ô tô và phụ tùng	42	48	49	47	45	46	50	51	52	57	52	51	47	49	49	52	57	57	52	52
16	Công nghệ Thông tin	36	46	52	50	51	54	58	61	58	50	44	40	35	39	44	48	52	54	48	40
17	Hàng cá nhân & Gia ...	35	40	41	45	47	57	55	56	60	64	56	48	46	47	48	51	60	55	51	48

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	172,800	5.4%	16.1%	665,801	4.6	49.6	3,487	416.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	47,800	-0.5%	2.8%	142,792	3.5	14.4	3,324	95.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	118,700	6.9%	6.9%	43,444	6.4	22.0	5,389	217.8	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSR	23,900	-1.2%	12.2%	26,584	2.2	-34.2	-707	27.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HAG	16,400	3.1%	7.2%	20,785	2.1	12.7	1,292	266.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCH	22,050	0.2%	4.5%	19,154	2.1	19.7	1,121	139.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCG	28,000	1.1%	3.9%	18,101	2.3	23.4	1,195	480.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TAL	48,000	0.3%	9.1%	17,280	5.0	20.5	2,346	70.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CII	26,800	-0.2%	13.6%	16,748	2.0	339.3	79	677.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MML	38,900	-1.5%	0.8%	13,359	2.8	28.1	1,399	5.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
HDG	32,950	-3.1%	2.3%	12,190	2.0	61.0	540	144.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAF	35,250	1.0%	4.0%	10,717	2.5	17.8	1,981	183.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
CTS	41,700	3.3%	9.2%	8,869	3.5	22.6	1,846	120.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KOS	40,700	-3.4%	3.7%	8,811	3.8	590.2	69	15.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHV	16,750	0.9%	12.0%	8,332	1.4	15.6	1,077	373.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHS	18,000	-0.3%	9.4%	7,776	0.9	1.8	9,889	105.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NT2	23,800	0.6%	4.6%	6,851	1.6	14.2	1,675	46.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDC	36,800	-0.7%	2.8%	6,563	2.8	76.4	482	117.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DDV	31,800	-1.2%	3.9%	4,651	2.4	13.2	2,413	15.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QCG	15,100	-1.9%	0.3%	4,154	1.0	36.3	416	21.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PTB	47,800	-3.1%	-4.4%	3,200	1.1	7.9	6,075	14.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SGR	25,600	-2.7%	-4.1%	1,789	1.3	9.0	2,838	5.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	69,300	-0.7%	-1.0%	211,359	5.7	36.3	1,913	13.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	57,500	-0.7%	-0.2%	206,227	3.2	20.9	2,751	48.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	95,500	-2.1%	-4.2%	162,685	4.9	18.8	5,092	1,003.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	61,500	0.0%	-0.5%	148,396	2.2	12.3	5,002	23.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	80,000	-0.2%	-0.2%	143,464	4.6	54.6	1,467	49.3	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	28,250	-0.9%	-0.2%	113,000	2.0	21.2	1,331	23.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SAB	45,500	-0.3%	-0.4%	58,357	2.7	14.3	3,185	26.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	34,750	-0.1%	-0.3%	44,153	1.8	20.9	1,661	35.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	94,000	-1.5%	-2.1%	35,699	2.4	11.5	8,175	151.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	39,300	-2.7%	-3.0%	14,914	2.6	9.9	3,977	55.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDC	51,200	-2.3%	1.4%	14,838	2.2	276.4	185	18.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	56,000	-2.6%	-2.8%	13,558	2.9	10.7	5,215	27.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	36,250	-0.8%	0.1%	12,561	3.0	26.9	1,348	42.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCS	48,600	-1.8%	-2.4%	7,776	1.5	10.7	4,536	10.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HNG	6,000	0.0%	-1.6%	6,661	4.2	-5.7	-1,062	11.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSH	35,100	-1.1%	-1.8%	3,949	2.0	7.5	4,666	6.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CSV	32,300	-1.7%	-1.4%	3,569	2.4	14.9	2,174	14.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	30,000	-0.8%	-0.7%	3,361	1.4	11.1	2,693	43.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PTB	47,800	-3.14%	-4.40%	71,000	48.5%	6,075	1.1	7.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	55,500	-3.48%	-4.92%	81,700	47.2%	6,444	1.3	8.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	39,300	-2.72%	-2.96%	56,100	42.7%	3,977	2.6	9.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	41,800	1.95%	3.85%	58,600	40.2%	1,709	1.7	24.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLX	34,750	-0.14%	-0.29%	47,800	37.6%	1,661	1.8	20.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	34,250	-0.72%	0.74%	47,100	37.5%	716	2.2	47.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
DGC	94,000	-1.47%	-2.08%	126,000	34.0%	8,175	2.4	11.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	56,000	-2.61%	-2.78%	73,900	32.0%	5,215	2.9	10.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	57,500	-0.69%	-0.17%	74,300	29.2%	2,751	3.2	20.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	35,700	-0.70%	-0.28%	45,800	28.3%	2,940	1.3	12.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
FRT	128,900	-0.85%	-1.53%	165,300	28.2%	3,163	7.7	40.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
SAB	45,500	-0.33%	-0.44%	58,000	27.5%	3,185	2.7	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	95,500	-2.05%	-4.21%	121,200	26.9%	5,092	4.9	18.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	83,500	-1.42%	-3.44%	105,900	26.8%	6,115	2.4	13.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
VCB	62,600	-0.63%	0.97%	77,600	24.0%	4,148	2.5	15.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	61,500	0.00%	-0.49%	76,100	23.7%	5,002	2.2	12.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	81,800	-0.49%	-0.12%	101,200	23.7%	1,861	3.6	44.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TV2	35,500	0.00%	-1.66%	43,900	23.7%	1,065	1.9	33.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	37,700	0.53%	3.01%	46,600	23.6%	3,186	2.0	11.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	33,700	-0.59%	-0.30%	41,600	23.4%	2,644	1.2	12.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn